

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI  
**BAN DÂN TỘC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 406/BDT-KHTH  
V/v đề nghị tham gia ý kiến  
văn bản dự thảo.

Quảng Ngãi, ngày 05 tháng 9 năm 2016

Kính gửi: Sở Tư pháp.

Thực hiện văn bản số 2619/UBND-ĐNMN ngày 26/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Kết luận số 31-KL/TU ngày 27/4/2016 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ ba khóa XIX, Ban Dân tộc đã xây dựng dự thảo Chính sách hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng đối với các hộ gia đình, các thôn, xã thoát nghèo ở vùng miền núi của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2020 và đã tổ chức lấy ý kiến tham gia của các sở, ban ngành, địa phương liên quan. Trên cơ sở ý kiến tham gia bằng văn bản của các đơn vị, Ban Dân tộc tỉnh đã tổng hợp, tiếp thu và hoàn chỉnh chính sách, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định tại Tờ trình số 380/TTr-BDT ngày 23/8/2016 (có Tờ trình của Ban Dân tộc tỉnh và dự thảo Quyết định của UBND tỉnh ban hành chính sách kèm theo).

Ngày 30/8/2016 UBND tỉnh có Công văn số 4762/UBND-ĐNMN về việc tiếp tục triển khai thực hiện Kết luận số 31-KL/TU ngày 27/4/2016 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ ba khóa XIX, tại điểm 4 của văn bản này đã chỉ đạo:

*“Đối với Ban Dân tộc tỉnh, tuy đã có Tờ trình số 380/TTr-UBND ngày 23/8/2016 gửi UBND tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt Cơ chế hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng cho các hộ thoát nghèo trên địa bàn các huyện miền núi. Tuy nhiên, đây là quyết định ban hành cơ chế, chính sách, thời gian thực hiện lâu dài, phải thông qua HĐND tỉnh cho ý kiến. Vì vậy, Ban Dân tộc tỉnh phải lấy ý kiến góp ý của Sở Tư pháp trình UBND tỉnh xem xét, quyết định trước ngày 15/9/2016”.*

Vì vậy, Ban Dân tộc tỉnh đề nghị Sở Tư pháp có ý kiến tham gia để Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp, trình UBND tỉnh theo chỉ đạo.

Ban Dân tộc tỉnh đề nghị Sở Tư pháp quan tâm, phối hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Ban;
- Phòng: KHTH, CSDT, TT&ĐB, TTr, VP;
- Lưu: VT, qbinh.

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**



*(Handwritten signature)*

**Nguyễn Vương**



Số: /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng 8 năm 2016

**DỰ THẢO**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành chính sách Hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng  
đối với hộ gia đình, thôn, xã thoát nghèo ở vùng miền núi  
của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững của Quốc gia thời kỳ 2011 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 398/QĐ-TTg ngày 11/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 về phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình Mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XIX;

Căn cứ Kết luận số 31-KL/TU ngày 27/4/2016 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 3 khóa XIX về đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững ở 06 huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 05/01/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2016;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tại Tờ trình số .../TTr-BDT ngày .../.../2016,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chính sách hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng đối với các hộ gia đình, các thôn, xã thoát nghèo ở vùng miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Trưởng Ban Dân tộc tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể có liên quan và Chủ tịch UBND các huyện: Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Tây Trà, Bình Sơn, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Sơn Tịnh, Đức Phổ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh Ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- .....
- Lưu: VT, .....

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phạm Trường Thọ**

*Quảng Ngãi, ngày tháng 8 năm 2016*

**CHÍNH SÁCH**  
**Hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng**  
**đối với hộ gia đình, thôn, xã thoát nghèo**  
**ở vùng miền núi của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2016 của UBND tỉnh)*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu chung**

1.1. Tạo sự chuyển biến trong nhận thức đối với các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân về công tác giảm nghèo; tạo điều kiện cho hộ nghèo tự lực vươn lên phát triển kinh tế, tăng thu nhập, nâng cao điều kiện sống; động viên, khích lệ đối với hộ thoát nghèo bền vững; các thôn, xã đặc biệt khó khăn (ĐBKK) vươn lên, thoát khỏi diện ĐBKK;

1.2. Từng bước hạn chế đến mức thấp nhất tư tưởng không muốn thoát nghèo của các hộ gia đình; không muốn mất đi nguồn lực hỗ trợ đầu tư của Nhà nước cho các vùng ĐBKK đối với cán bộ (thôn, xã, huyện, tỉnh); đối với người dân, hình thành dần tâm lý e ngại, mất tự tin khi hộ gia đình của mình thuộc vào danh sách hộ nghèo, khi đi nhận các hỗ trợ chỉ dành cho người nghèo; đối với cán bộ các cấp, hình thành tư tưởng tự hào vì địa phương mình không còn là vùng nghèo, vùng ĐBKK.

**2. Mục tiêu cụ thể**

2.1. Hỗ trợ để các hộ gia đình thuộc đối tượng điều chỉnh của chính sách này có điều kiện tiếp tục duy trì, phát triển sản xuất, gia tăng thu nhập; tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản (theo qui định trong chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020) còn thiếu hụt, góp phần thoát nghèo bền vững.

2.2. Duy trì kết quả giảm nghèo của các địa phương (thôn, xã).

2.3. Bình quân mỗi năm có từ 02-03 thôn đặc biệt khó khăn (ĐBKK) của các xã khu vực I, II có chỉ số hộ nghèo giảm đến mức thấp hơn chỉ số hộ nghèo tối thiểu qui định trong bộ tiêu chí đối với thôn ĐBKK vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2016-2020.

2.4. Bình quân mỗi năm có từ 01-02 xã ĐBKK có chỉ số hộ nghèo giảm đến mức thấp hơn chỉ số hộ nghèo tối thiểu trong bộ tiêu chí qui định đối với xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2016-2020.

**II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN**

## **1. Phạm vi thực hiện**

83 xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh Quảng Ngãi

## **2. Đối tượng thực hiện**

2.1. Hộ gia đình đã được công nhận thoát nghèo (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020) trong giai đoạn 2016-2019.

2.2. Thôn ĐBKK thuộc các xã khu vực I, II có chỉ số hộ nghèo thấp hơn chỉ số hộ nghèo tối thiểu qui định trong bộ tiêu chí xác định thôn ĐBKK vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2016-2020.

2.3. Xã ĐBKK có chỉ số hộ nghèo thấp hơn chỉ số hộ nghèo tối thiểu qui định trong bộ tiêu chí xác định xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2016-2020.

## **III. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ, BIỂU DƯƠNG, KHEN THƯỞNG**

### **1. Chính sách hỗ trợ, khen thưởng đối với hộ gia đình.**

#### **1.1. Điều kiện áp dụng**

a. Là hộ nghèo thuộc nhóm thực hiện chính sách giảm nghèo và được cấp có thẩm quyền công nhận đã thoát nghèo và vượt qua chuẩn cận nghèo theo quy định hiện hành.

c. Chấp hành tốt các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

d. Hộ thoát nghèo được hỗ trợ, khen thưởng khi có ít nhất trên 2/3 số hộ dân trong thôn dự cuộc họp bình chọn và trên 50% số đại biểu tham dự cuộc họp biểu quyết nhất trí đề nghị hỗ trợ, khen thưởng.

#### **1.2. Nội dung hỗ trợ, khen thưởng.**

a. Hỗ trợ để tiếp tục phát triển sản xuất, gia tăng thu nhập

Hỗ trợ 01 lần bằng tiền mặt với mức đúng bằng mức hỗ trợ phát triển sản xuất đối với hộ nghèo thực hiện Chương trình 135 cùng thời điểm, để duy trì hoạt động sản xuất đang thực hiện mà nhờ thu nhập từ hoạt động đó hộ đã thoát nghèo.

b. Hỗ trợ chi phí học tập

Học sinh học mẫu giáo và học các bậc phổ thông thuộc hộ gia đình đủ điều kiện áp dụng chính sách này được tiếp tục hỗ trợ chi phí học tập (để mua sách, vở, đồ dùng học tập,...) trong thời gian tối đa là 02 năm học liên tục tiếp theo với mức hỗ trợ đúng bằng mức hỗ trợ đối với học sinh mẫu giáo và học sinh các cấp phổ thông thuộc hộ nghèo theo chính sách của Nhà nước hiện hành (*cụ thể hiện nay là mức hỗ trợ 100.000 đồng/học sinh/tháng; thời gian hỗ trợ theo thời gian học tập thực tế và không quá 09 tháng/năm học*).

c. Hỗ trợ để tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản còn thiếu hụt

Hộ gia đình đủ điều kiện thực hiện chính sách này nhưng còn thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản (*nhà ở, nước sạch và vệ sinh môi trường, thông tin liên lạc*), được hỗ trợ như sau:

- Trường hợp còn thiếu hụt các chỉ số về nhà ở:

Hộ gia đình đang ở trong nhà thiếu kiên cố hoặc nhà đơn sơ hoặc có diện tích nhà ở bình quân dưới 08m<sup>2</sup>/người được hỗ trợ tối đa 05 triệu đồng để sửa chữa nhà ở.

- Trường hợp thiếu hụt các chỉ số về nước sạch:

Hộ gia đình chưa tiếp cận được nguồn nước hợp vệ sinh được hỗ trợ tối đa 02 triệu đồng để xây dựng công trình nước sinh hoạt cho hộ.

- Trường hợp thiếu hụt các chỉ số về VSMT:

Hộ gia đình chưa có hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh được hỗ trợ tối đa 02 triệu đồng để xây dựng nhà vệ sinh đạt tiêu chuẩn.

- Trường hợp thiếu hụt các chỉ số Thông tin liên lạc:

Hộ gia đình chưa có thuê bao điện thoại, hoặc không có tivi, hoặc không có radio, không nghe được đài truyền thanh xã/thôn được hỗ trợ 02 triệu đồng để trang bị thiết bị tiếp cận thông tin.

d. Biểu dương, khen thưởng:

- Bình chọn tối đa 50% số hộ thoát nghèo tiêu biểu trong năm để tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND xã nơi cư trú.

- Bình chọn tối đa 30% số hộ thoát nghèo bền vững tiêu biểu trong 03 năm liên tục để tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện nơi cư trú.

- Hàng năm xét chọn một số hộ thoát nghèo tiêu biểu nhất đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

Ngoài ra, hộ thoát nghèo bền vững đạt được các tiêu chuẩn quy định tại Kế hoạch số 1902/KH-UBND ngày 28/5/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc khen thưởng đối với huyện, thành phố; xã, phường, thị trấn; thôn, tổ dân phố; hộ gia đình có thành tích xuất sắc trong công tác giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020 thì được xem xét khen thưởng theo quy định tại Kế hoạch số 1902/KH-UBND.

## **2. Chính sách hỗ trợ, khen thưởng đối với thôn ĐBKK**

### **2.1. Điều kiện áp dụng**

Các thôn ĐBKK thuộc các xã khu vực I, khu vực II có chỉ số hộ nghèo thấp hơn chỉ số hộ nghèo tối thiểu qui định đối với thôn ĐBKK vùng dân tộc và miền núi trong giai đoạn 2016-2020 và đồng thời được cấp có thẩm quyền công nhận là hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 giai đoạn 2016-2020.

### **2.2. Nội dung hỗ trợ, khen thưởng**

a. Được thưởng một lần bằng công trình cơ sở hạ tầng phục vụ cho cộng đồng với trị giá của công trình là 200 triệu đồng.

b. Được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh về thành tích thực hiện hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 giai đoạn 2016-2020

Ngoài ra, thôn ĐBKК đạt được các tiêu chuẩn quy định tại Kế hoạch số 1902/KH-UBND ngày 28/5/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc khen thưởng đối với huyện, thành phố; xã, phường, thị trấn; thôn, tổ dân phố; hộ gia đình có thành tích xuất sắc trong công tác giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020 thì được xem xét khen thưởng theo quy định tại Kế hoạch số 1902/KH-UBND.

### **3. Chính sách hỗ trợ, khen thưởng đối với xã ĐBKК.**

#### **3.1. Điều kiện áp dụng**

Các xã ĐBKК có chỉ số hộ nghèo thấp hơn chỉ số hộ nghèo tối thiểu qui định đối với xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2016-2020 và đồng thời được cấp có thẩm quyền công nhận là hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 giai đoạn 2016-2020.

#### **3.2. Nội dung hỗ trợ, khen thưởng**

a. Được thưởng một lần bằng công trình cơ sở hạ tầng phục vụ cho cộng đồng với trị giá của công trình là 01 tỷ đồng.

b. Được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và xem xét đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen về thành tích thực hiện hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 giai đoạn 2016-2020.

Ngoài ra, xã ĐBKК đạt được các tiêu chuẩn quy định tại Kế hoạch số 1902/KH-UBND ngày 28/5/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc khen thưởng đối với huyện, thành phố; xã, phường, thị trấn; thôn, tổ dân phố; hộ gia đình có thành tích xuất sắc trong công tác giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020 thì được xem xét khen thưởng theo quy định tại Kế hoạch số 1902/KH-UBND.

## **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

**1. Nhu cầu kinh phí:** Tổng nhu cầu là: 81.242 triệu đồng. Trong đó:

- Kinh phí hỗ trợ, khen thưởng đối với hộ gia đình: 73.999 triệu đồng.
- Kinh phí hỗ trợ, khen thưởng đối với thôn ĐBKК hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 giai đoạn 2016-2020: 2.000 triệu đồng.
- Kinh phí hỗ trợ, khen thưởng đối với xã ĐBKК hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 giai đoạn 2016-2020: 6.000 triệu đồng.
- Kinh phí quản lý, kiểm tra, giám sát; sơ kết, tổng kết: 243 triệu đồng.

**2. Nguồn kinh phí:** Ngân sách tỉnh.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**



## **1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

1.1. Là cơ quan thường trực thực hiện chính sách; chủ trì, tổ chức phối hợp với các sở, ban ngành liên quan triển khai, quán triệt và hướng dẫn thực hiện chính sách nói chung và hướng dẫn cụ thể việc thực hiện các chính sách hỗ trợ đối với hộ thoát nghèo bền vững.

1.2. Chủ trì, tổ chức phối hợp với các sở, ban ngành và UBND các huyện để tổng hợp, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện hàng năm, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

1.3. Cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách hàng năm, lập dự toán thực hiện chính sách, gửi Sở Tài chính tổng hợp.

1.4. Thực hiện công tác kiểm tra, đôn đốc việc triển khai chính sách. Chủ trì, tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện chính sách.

## **2. Ban Dân tộc tỉnh**

Chủ trì, hướng dẫn triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ, khen thưởng đối với thôn, xã đặc biệt khó khăn thực hiện hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 giai đoạn 2016-2020.

## **3. Sở Nội vụ**

Chủ trì, hướng dẫn các thủ tục thực hiện nội dung khen thưởng đối với các đối tượng của chính sách.

## **4. Sở Giáo dục và Đào tạo**

Chủ trì, hướng dẫn việc thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh thuộc hộ gia đình đủ điều kiện áp dụng chính sách.

## **5. Sở Tài chính**

Trên cơ sở dự toán do cơ quan thường trực thực hiện chính sách lập, Sở Tài chính thẩm tra, tổng hợp dự toán ngân sách địa phương hàng năm trình UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh xem xét, quyết định bố trí kinh phí để thực hiện; đồng thời hướng dẫn thủ tục thanh toán, quyết toán kinh phí theo quy định.

## **6. Sở Thông tin và Truyền thông**

Chỉ đạo các cơ quan thông tin, báo chí trên địa bàn tỉnh tuyên truyền nội dung của chính sách, kết quả thực hiện chính sách nhằm biểu dương, góp phần nhân rộng các điển hình để tạo phong trào trên địa bàn vùng đồng bào DTTS và miền núi của tỉnh.

## **7. Các Sở, ban ngành có liên quan**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành, đơn vị có trách nhiệm tuyên truyền nội dung của chính sách; phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh, Sở Nội vụ và các địa phương trong tổ chức thực hiện.

## **8. Đề nghị UBMT Tổ quốc Việt Nam, các hội, đoàn thể**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, phối hợp với chính quyền địa phương cùng cấp tham gia thực hiện chính sách; tổ chức tốt công tác tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên (thanh niên, công đoàn) và toàn dân hưởng ứng, tham gia, phát động thành phong trào giảm nghèo ở vùng đồng bào DTTS và miền núi của tỉnh.

## **9. Ủy ban nhân dân các huyện**

9.1. Chỉ đạo xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chính sách trên phạm vi địa bàn huyện.

9.2. Hàng năm tổng hợp danh sách, số lượng hộ nghèo đăng ký thoát nghèo và số lượng thôn, xã ĐBKK đăng ký hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 giai đoạn 2016-2020, lập kế hoạch thực hiện để tổng hợp gửi về Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh để xây dựng kế hoạch chung của tỉnh.

9.3. Tổ chức điều tra, rà soát mức độ thiếu hụt các chỉ số về dịch vụ xã hội cơ bản để có đề xuất hỗ trợ cụ thể, sát thực giúp hộ nghèo thoát nghèo bền vững theo nội dung chính sách này.

9.4. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện chính sách. Tổng hợp các vướng mắc trong quá trình thực hiện và báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Lao động – Thương binh và Xã hội) để xem xét, giải quyết kịp thời./.

**UBND TỈNH QUẢNG NGÃI**